

**TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 84843/CT-TTHT

V/v chính sách thuế liên quan khoản tiền hỗ trợ Fair Trade

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Công ty CP sản xuất hàng thể thao

*(Địa chỉ: Phòng 505-06, tầng 5, số 83B, phố Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội;
MST: 0101452549)*

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 61/2020-MXP/CV đề ngày 31/8/2020 của Công ty CP sản xuất hàng thể thao (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế đối với khoản tiền hỗ trợ từ khách hàng tham gia chương trình thương mại công bằng (Fair trade). Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Về các khoản chi cho người lao động:

- Căn cứ điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế Thu nhập doanh nghiệp, sửa đổi, bổ sung điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng...”

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của

Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

+ Tại khoản 9, khoản 10 điều 1 sửa đổi, bổ sung điều 14, điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nguyên tắc và điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

“2. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.

...

Điều 15. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1. Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài...”

+ Tại điều 3 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ như sau:

“... 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 1 Điều 16 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC) như sau:

“b) Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)

...9. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 Phụ lục 4 như sau:

“2.4. Sử dụng hóa đơn, chứng từ đối với hàng hóa, dịch vụ khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, cho, biếu, tặng đối với tổ chức kê khai, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

a)...Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động thì phải lập hóa đơn GTGT (hoặc hóa đơn bán hàng), trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty sử dụng khoản tiền hỗ trợ của tổ chức Fair Trade (là khoản thu nhập khác của Công ty khi tính thuế TNDN) để trả các khoản thu nhập có tính chất tiền lương tiền công cho người lao động thì Công ty được xác định là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC.

Trường hợp Công ty sử dụng tiền hỗ trợ Fair Trade mua hàng hóa để tặng, trả thay lương cho người lao động của Công ty thì khi trao hàng hóa cho người lao động, Công ty phải lập hóa đơn GTGT theo quy định. Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nếu đáp ứng các điều kiện và nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT theo quy định.

2. Về tiền chậm nộp tiền thuế TNDN năm 2019:

- Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 (có hiệu lực thi hành đến ngày 01/7/2020):

+ Tại điều 10 quy định chung về khai thuế, tính thuế:

"3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

đ) Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm chậm nhất là ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính."

+ Tại điều 26 quy định thời hạn nộp thuế:

"2. Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với trường hợp người nộp thuế tính thuế hoặc thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo, quyết định, văn bản của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác."

- Căn cứ Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất:

+ Tại điều 3 quy định gia hạn thời hạn nộp thuế và tiền thuê đất:

"2. Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Gia hạn thời hạn nộp thuế đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 và số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý 1, quý 2 của kỳ tính thuế năm 2020 của doanh nghiệp, tổ chức là người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định này. Thời gian gia hạn là 05 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế."

+ Tại điều 4 quy định trình tự, thủ tục gia hạn:

"1. Người nộp thuế thuộc đối tượng được gia hạn gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất (bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác) theo Mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp một lần cho toàn bộ các kỳ của các sắc thuế và tiền thuê đất được gia hạn cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) theo quy định pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất không nộp cùng với thời điểm nộp hồ sơ khai thuế tháng (hoặc theo quý) thì thời hạn nộp chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020, cơ quan quản lý thuế vẫn thực hiện gia hạn nộp thuế, tiền thuê đất của các kỳ phát sinh được gia hạn trước thời điểm nộp Giấy đề nghị gia hạn.

...

4. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, căn cứ Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất, cơ quan thuế không tính tiền chậm nộp đối với số tiền thuế, tiền thuê đất được gia hạn (bao gồm cả trường hợp Giấy đề nghị gia hạn gửi cơ quan thuế sau khi đã nộp hồ sơ khai thuế theo tháng (hoặc theo quý) chậm nhất là ngày 30 tháng 7 năm 2020."

- Thực hiện công văn số 5977/BTC-TCT ngày 20/5/2020 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP:

"a) Số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 được gia hạn không bao gồm số thuế TNDN tạm nộp theo quý quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ và Điều 17 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán của kỳ tính thuế năm 2019 tối đa bằng 20% tổng số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán.

... c) Trường hợp người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2019 theo quy định của Luật Quản lý thuế làm tăng số thuế TNDN phải nộp và gửi đến cơ quan thuế trước khi hết thời hạn nộp thuế được gia hạn thì số thuế được gia hạn xác định theo nguyên tắc tại điểm a nêu trên, trong đó số thuế phải nộp cả năm theo quyết toán căn cứ vào hồ sơ khai bổ sung."

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty thuộc đối tượng được gia hạn thời hạn nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 41/2020/NĐ-CP, Công ty đã gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất theo quy định cho cơ quan thuế vào ngày 30/7/2020, đến ngày 12/8/2020 Công ty khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm 2019 theo quy định làm tăng số thuế TNDN phải nộp thì số thuế TNDN năm 2019 được gia hạn tối đa bằng 20% tổng số thuế phải

nộp cả năm theo hồ sơ khai bổ sung; thời hạn nộp thuế được gia hạn chậm nhất là ngày 30/8/2020.

Trong thời gian được gia hạn nộp thuế theo quy định, số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 được gia hạn nêu trên không bị tính tiền chậm nộp. Đối với số thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019 không được gia hạn nhưng Công ty chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định thì Công ty nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, đơn vị có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm tra số 5 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Công ty CP sản xuất hàng thủ công được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT5;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Tiến Trường